

Số: 81/2023/QĐST- HNGĐ

Hà Giang, ngày 19 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023; giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lục Thế A

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Tú A

Địa chỉ: SN 396, đường T, tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/9/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị Tú A và anh Lục Thế A
Địa chỉ: SN 396, đườngT, tổ 14, phườngT, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tú A và anh Lục Thế A nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lục Thùy A, sinh ngày: 10/6/2013 cho đến khi cháu A đủ 18

tuổi. Anh Lục Thế A cấp dưỡng nuôi cháu An theo mức 3.000.000/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị Tú A là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Anh Thế A có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3.3. Về Tài sản chung:

- Anh Lục Thế A được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt:

+ 01 mảnh đất có ranh giới phía Nam bám đường T rộng 3,7m; phía Đông giáp đất nhà ông T một đoạn dài 6,3m, một đoạn dài 10,9m; phía Tây giáp đất ông H cũ (nay là đất bà T) dài 18,8m và 4,0m; phía Bắc giáp đất bà C rộng 2,0m. Tổng diện tích đất là 79,9m² thửa đất số 66, tờ bản đồ 13; địa chỉ thửa đất tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 089639 ngày 22/10/2015 mang tên ông Lục Thế A, bà Đỗ Thị Tú A. Trên đất có 01 nhà xây 2 tầng 1 tum, khung bê tông cốt thép, tầng chịu lực 110, cửa khuôn gỗ nhóm 2 có tổng diện tích xây dựng 178,8m². Trong đó, tầng 1: 78,7m²; tầng 2: 78,7m²; tum thang + phòng thờ: 21,4m²; bán mái phía sau nhà diện tích 5,2m²; móng + tường xây bê tông, xà gồ, thép định hình, mái lợp tôn; bán mái phía trước nhà diện tích 7,8m², cột, vì kèo, xà gồ, thép định hình, mái lợp tôn; 01 mái chống nóng có diện tích 18,5m², cột, vì kèo, xà gồ, thép định hình, mái lợp tôn (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá đất + nhà theo Biên bản định giá tài sản ngày 06/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Giang là: 3.071.337.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

+ 01 mảnh đất phía Đông giáp thửa đất số 701 dài 16,55m; phía tây giáp thửa đất số 774 dài 15,30m; phía Nam giáp thửa đất số 769 rộng 5,10m; phía Bắc giáp thửa đất số 700 rộng 5,10m; thửa đất số 775, tờ bản đồ 55, có tổng diện tích 80,8m², mục đích sử dụng: đất ở đô thị. Địa chỉ thửa đất tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 037894, cấp ngày 22/5/2020 mang tên ông Lục Thế Anh, bà Đỗ Thị Tú Anh và 01 thửa đất tiếp giáp với thửa 775, có kích thước một cạnh 5,1m, một cạnh phía Tây 3,18m, một cạnh phía Đông 3,23m; một cạnh giáp đường dân sinh có hai đoạn, đoạn 1 là 1,27m, đoạn 2 là 3,87m thuộc thửa đất số 769, tờ bản đồ số 55, có tổng diện tích là 16,8m², mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 037893, cấp ngày 22/5/2020 mang tên ông Lục Thế A, bà Đỗ Thị Tú A (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá 02 thửa đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 06/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Anh Lục Thế A có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Đỗ Thị Tú A số tiền 2.235.668.500 (Hai tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng), thời hạn trả tiền chậm nhất là ngày 30/12/2023.

Kể từ ngày quá thời hạn thỏa thuận nêu trên mà bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Các tài sản chung khác của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.4. Về công nợ chung: Không có.

5.5. Về chi phí thẩm định, định giá: Anh Thế A và chị Tú A mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định, định giá. Do anh Thế A đã nộp toàn bộ tạm ứng thẩm định, định giá nên chị Tú A phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Thế A $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí thẩm định, định giá là 2.000.000đ.

6.6. Về án phí:

- Anh Thế A tự nguyện chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ và án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 38.356.685đ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Thế A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, biên lai số 0000949 ngày 08/8/2023. Trả lại cho anh Thế A 143.315đ tiền án phí chênh lệch.

- Chị Tú A phải chịu án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 38.356.685đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND P.T, TP H;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình